

Bản án số: **185/2022/HS-PT**

Ngày: 06-6-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Tào**

*Các Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Tấn Long**

Ông **Mai Xuân Thành**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Ra** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 152/2022/TLPT-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo Dương Minh P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2022/HS-ST ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

*Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo*

**Dương Minh P**; tên gọi khác: Không; Sinh ngày 30 tháng 7 năm 1988, tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; Nơi cư trú: xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Bình; Đảng viên bị khai trừ ra khỏi đảng; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Dương Minh T, sinh năm 1956; con bà: Ngô Thị T, sinh năm 1960, hiện cư trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Anh chị em ruột: có 04 người, P là con thứ 3 trong gia đình; có vợ: Lê H M, sinh năm: 1994; có 01 con: D H Tuệ N, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2020 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*Những người tham gia tố tụng khác:*

Người bào chữa cho bị cáo Dương Minh P: Luật sư Trương Văn B, Văn phòng Luật sư C, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*Bị hại:* Ngân hàng TMCP B (B); địa chỉ: thành phố H Nội

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Phan T B – Giám đốc Ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình. Vắng.

*Ông B ủy quyền lại cho:* Bà Nguyễn Thị P – Giám đốc Ban pháp chế Ngân hàng B, ông Đỗ T N - Phó trưởng phòng – Ban pháp chế Ngân hàng B, ông H Đ T – Trưởng phòng quản lý rủi ro ngân hàng B – Chi nhánh Quảng Bình. Bà Phương, ông T; có mặt. Ông N; vắng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

1. Bà Lê Thị M; địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
3. Ông Lê Trung P; địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
4. Ông Võ Văn S và bà Võ Thị H; địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Bình. Đều có mặt.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông S, bà H:* Luật sư Nguyễn Thị Minh Y và luật sư Nguyễn Văn H – Công ty Luật TNHH G, Đoàn luật sư thành phố H Nội. Địa chỉ: thành phố H Nội. Đều có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:*

Bà Lê Thùy D; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Thành T; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*Người làm chứng có liên quan đến kháng cáo:*

1. Ông Trần Việt H; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
2. Ông Trương Văn T; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
3. Ông Hồ Đ H; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
4. Ông Phan M D; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*Ngoài ra trong vụ án còn có những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nội dung vụ án được tóm tắt như sau:* Do không có tiền trả nợ và đầu tư chứng khoán, Dương Minh P (cán bộ phòng giao dịch B - Chi nhánh tỉnh Quảng Bình - Ngân hàng TMCP B) đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền thông qua việc nâng khống số tiền vay của khách hàng cao hơn số tiền thực tế khách hàng cần vay để chiếm đoạt, với thủ đoạn khi tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng, nhận thấy nhu cầu vay thực tế của khách hàng thấp hơn so với giá trị tài sản thế chấp, P đã làm hồ sơ vay theo mức

tối đa của tài sản thế chấp. Trong quá trình hướng dẫn, lập hồ sơ cho khách hàng vay vốn, P lợi dụng sự thiếu hiểu biết và sự tin tưởng của khách hàng để yêu cầu khách hàng ký vào các hợp đồng vay vốn, ký không vào ủy nhiệm chi, giấy rút tiền mặt chưa lập nội dung, tự ý nâng số tiền vay vốn cao hơn so với nhu cầu của khách hàng. Sau khi hoàn thành xong hồ sơ vay vốn, P trực tiếp đưa xuống bộ phận giao dịch khách hàng để trực tiếp nhận tiền vay và chuyển cho khách hàng số tiền họ cần rút, số tiền còn lại P sử dụng vào mục đích cá nhân như đáo hạn, trả lãi các khoản vay của khách hàng, trả nợ và đầu tư chứng khoán.

Bằng những thủ đoạn trên, trong thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 5/2020 Dương Minh P đã lập không, nâng không số tiền vay của 23 cá nhân tại huyện B, tỉnh Quảng Bình để chiếm đoạt số tiền 31.000.000.000 đồng, cụ thể:

1. Khoảng đầu tháng 6/2019, bà Hoàng Thị H, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P để làm thủ tục vay vốn số tiền 1.100.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn và giúp vợ chồng bà H làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Ngày 21/6/2019, sau khi hướng dẫn vợ chồng bà H ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt. P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng yêu cầu giao dịch viên giải ngân, rồi chiếm đoạt số tiền 1.100.000.000 đồng đem chi tiêu cá nhân.

2. Vào tháng 6/2019, vợ chồng bà D Thị T, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P đặt vấn đề vay vốn số tiền 800.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn vợ chồng bà T làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Do cần tiền để chơi chứng khoán, ngày 21/6/2019, sau khi hướng dẫn vợ chồng bà T ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt, P hoàn thiện hồ sơ vay vốn, đồng thời nâng không hồ sơ vay vốn của vợ chồng bà T lên 3.500.000.000 đồng và trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng yêu cầu giao dịch viên giải ngân cho P nhận thay. Sau khi nhận được tiền, P giao cho bà T số tiền 800.000.000 đồng, còn lại 2.700.000.000 đồng P chiếm đoạt, để sử dụng vào mục đích cá nhân.

3. Vào cuối tháng 7/2019, vợ chồng bà Đỗ Thị S, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P xin thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để vay vốn số tiền 700.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn vợ chồng bà S làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Do cần tiền để chơi chứng khoán, ngày 06/8/2020, sau khi hướng dẫn vợ chồng bà S ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt, P hoàn thiện hồ sơ vay vốn, đồng thời nâng không hồ sơ vay vốn của vợ chồng bà S lên 1.700.000.000 đồng và trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân cho P nhận thay. Sau khi nhận được tiền, P giao cho bà S số tiền 700.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.000.000.000 đồng P sử dụng vào mục đích cá nhân.

4. Khoảng đầu tháng 01/2020, bà D Thị H (vợ ông Phan T, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình) nhờ Dương Minh P làm thủ tục vay vốn số tiền 2.500.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn và giúp vợ chồng ông T làm các thủ

tục để thực hiện việc vay vốn. Ngày 23/3/2020, sau khi hướng dẫn vợ chồng ông T ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt. P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân, để P nhận thay khách hàng, sau khi nhận được tiền, P chiếm đoạt luôn số tiền 2.500.000.000 đồng đem chi tiêu cá nhân.

5. Khoảng đầu tháng 01/2020, bà Nguyễn Thị K, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P để làm thủ tục vay vốn số tiền 2.000.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn và giúp vợ chồng bà K làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Ngày 14/01/2020, sau khi hướng dẫn vợ chồng bà K ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt. P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân tiền vay vốn, để P nhận thay, sau khi nhận được tiền P chiếm đoạt số tiền 2.000.000.000 đồng đem chi tiêu cá nhân.

6. Khoảng đầu tháng 01/2020, vợ chồng ông D Đình P, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P để làm thủ tục vay vốn số tiền 600.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn và giúp vợ chồng ông P làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Ngày 14/01/2020, sau khi hướng dẫn vợ chồng ông P ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt. P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân tiền vay vốn để P nhận thay khách hàng, sau khi nhận được tiền P chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng đem chi tiêu cá nhân.

7. Vào tháng 01/2020, bà Hoàng Thị Q, trú tại huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P đặt vấn đề vay vốn. P trực tiếp hướng dẫn vợ chồng bà Q làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Do cần tiền để chơi chứng khoán, ngày 21/01/2019, sau khi hướng dẫn bà Q ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt, P hoàn thiện hồ sơ vay vốn, lập không hồ sơ vay vốn của vợ chồng bà Q với số tiền 700.000.000 đồng, P làm hồ sơ gói vay lên 1.600.000.000 đồng, trong đó nâng không 900.000.000 đồng và trực tiếp xuống bộ phận dịch vụ giải ngân và sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 13/3/2020, bà Q yêu cầu nhận tiền vay với số tiền 500.000.000 đồng. P lập hồ sơ vay vốn của vợ chồng bà Q với số tiền 650.000.000 đồng, trong đó nâng không số tiền 150.000.000 đồng và trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân để P nhận thay khách hàng. Sau khi nhận được tiền, P giao cho bà Q số tiền 500.000.000 đồng, số tiền còn lại 150.000.000 đồng P sử dụng vào mục đích cá nhân. Tổng số tiền P chiếm đoạt là 1.050.000.000 đồng.

8. Vào khoảng tháng 01/2020, bà Nguyễn Thị L, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình có nhu cầu vay vốn, nên đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P đặt vấn đề vay. P trực tiếp hướng dẫn cho bà L làm hồ sơ để thực hiện vay vốn. Do cần tiền để chơi chứng khoán, ngày 17/01/2020, sau khi hướng dẫn bà L ký không một số giấy tờ trong đó có giấy ủy nhiệm chi và giấy rút tiền

mặt, P hoàn thiện hồ sơ, lập không hồ sơ vay vốn của bà L có nhu cầu vay 350.000.000 đồng, nhưng P làm hồ sơ lên 1.000.000.000 đồng, trong đó P nâng không 650.000.000 đồng và trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân để P nhận thay khách hàng. Sau khi nhận được tiền P đã giao cho bà L 350.000.000 đồng, số tiền còn lại 650.000.000 đồng P sử dụng vào mục đích cá nhân.

9. Do chị Nguyễn Thị L cần tiền đã đến nhà nhờ ông T đứng tên vay vốn thay mình. Nên ngày 17/01/2020, ông Nguyễn Xuân T, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch huyện B gặp Dương Minh P để đặt vấn đề vay vốn, cũng với thủ đoạn trên, P đã trực tiếp hướng dẫn ông T làm hồ sơ để thực hiện việc vay vốn, sau khi hướng dẫn ông T ký không một số giấy tờ trong đó có giấy ủy nhiệm chi và giấy lĩnh tiền mặt, P hoàn thiện hồ sơ, lập không số vay của ông T có nhu cầu vay 300.000.000 đồng, nhưng P làm hồ sơ nâng lên 600.000.000 đồng và trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân để P nhận thay cho khách hàng. Sau khi nhận được tiền P giao lại cho bà Nguyễn Thị L (nhận thay ông T) 100.000.000 đồng, còn lại 500.000.000 đồng P chiếm đoạt đem chi tiêu cá nhân.

10. Vào giữa tháng 1/2020, bà Lê Thị T, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, hết hạn khoản vay 1.700.000.000 đồng nên nhờ Dương Minh P làm thủ tục đáo hạn và sau đó bà T đã trả nợ số tiền 1.700.000.000 đồng và nhờ P làm thủ tục vay lại số tiền 1.700.000.000 đồng. Do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân nên P đã nâng không số tiền vay của bà T lên 2.000.000.000 đồng. Sau khi hướng dẫn bà T ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt. P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống phòng dịch vụ tự ý giải ngân tiền vay vốn số tiền 2.000.000.000 đồng, P đã giao cho bà T số tiền 1.700.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng P sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến cuối tháng 6/2020, do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân, thấy hồ sơ vay vốn của bà T đang còn hạn mức nên ngày 24/6/2020, sau khi được bà T ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt. P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân vốn vay, để P nhận thay cho khách hàng, số tiền này Phu không giao cho khách hàng mà chiếm đoạt số tiền 1.600.000.000 đồng đem chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền P chiếm đoạt là 1.900.000.000 đồng.

11. Khoảng đầu tháng 2/2020, bà Nguyễn Thị Q, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P để làm thủ tục vay vốn số tiền 2.500.000.000 đồng. Ngày 12/2/2020 P trực tiếp hướng dẫn và giúp bà Q làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn và tiến hành giải ngân cho bà Q số tiền 2.000.000.000 đồng. Thấy giá trị tài sản đảm bảo của bà Q còn lớn, trong lúc P đang cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân, ngày 17/02/2020, sau khi hướng dẫn bà Q ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt. P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng tự ý giải ngân tiền vay vốn và chiếm đoạt số tiền 1.500.000.000 đồng đem chi tiêu cá nhân.

12. Vào cuối tháng 2/2020, bà Đỗ Thị T, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P xin thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để vay vốn số tiền 300.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn vợ chồng bà T làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Do cần tiền để chơi chứng khoán, ngày 10/3/2020, sau khi được vợ chồng bà T ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt, P hoàn thiện hồ sơ vay vốn, đồng thời nâng không hồ sơ vay vốn của vợ chồng bà T lên 1.200.000.000 đồng và trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân gói vay, để P nhận thay khách hàng. Sau khi nhận được tiền, P giao cho bà T số tiền 300.000.000 đồng, còn lại 900.000.000 đồng P sử dụng vào mục đích cá nhân.

13. Khoảng đầu tháng 02/2020, ông Lê Trung P, trú tại huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P để làm thủ tục vay vốn số tiền 700.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn và giúp ông P làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Do cần tiền để chơi chứng khoán, ngày 13/02/2020, P hoàn thiện hồ sơ vay vốn, đồng thời nâng không hồ sơ vay vốn của ông P thêm 800.000.000 đồng. Sau đó, P trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân số tiền 1.500.000.000 đồng, để P nhận thay khách hàng, sau khi nhận được tiền P giao cho ông P số tiền 700.000.000 đồng, còn lại 800.000.000 đồng đem chiếm đoạt.

Vào các ngày 04/5/2020 và ngày 22/6/2020, khi ông P muốn nhờ P trả nợ vay số tiền 350.000.000 đồng, Lúc này P đang cần tiền liền nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông P, nên không yêu cầu ông P nộp tiền vào tài khoản của ông P để thu nợ, mà đề nghị nộp vào các tài khoản do mình yêu cầu nhằm mục đích chiếm đoạt để sử dụng vào việc cá nhân. Tổng số tiền P chiếm đoạt là 1.150.000.000 đồng.

14. Vào cuối tháng 3/2020, vợ chồng ông Nguyễn Thành H, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P xin thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn. P trực tiếp hướng dẫn vợ chồng ông H làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn theo hạn mức cho vay 2.000.000.000 đồng. Sau khi hướng dẫn vợ chồng ông H ký vào các thủ tục vay vốn, ký không vào ủy nhiệm chi, giấy rút tiền mặt chưa lập nội dung, ngày 25/3/2020, P xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân, để P nhận thay khách hàng số tiền 2.000.000.000 đồng; ngày 06/4/2020, P tiếp tục tự ý, yêu cầu giao dịch viên giải ngân số tiền 1.800.000.000 đồng, rồi sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 21/5/2020, khi ông H yêu cầu P đã rút từ tài khoản của mình số tiền 1.200.000.000 đồng đưa cho ông H. Tổng số tiền P đã chiếm đoạt 2.600.000.000 đồng.

15. Vào đầu tháng 3/2020, bà Phan Thị H, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P đặt vấn đề vay vốn số tiền 700.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn và giúp vợ chồng bà H làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Ngày 13/3/2020, sau khi được bà H ký vào một số giấy tờ, ký không vào giấy ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt chưa ghi nội

dung. P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân tiền vay vốn để P nhận thay khách hàng, sau khi nhận được tiền P chiếm đoạt số tiền 700.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

16. Vào khoảng tháng 3/2020, vì cần tiền để giải quyết việc gia đình, vợ chồng anh D Thự và chị D Thị Tỏ trú tại thôn 3, Đồng Trạch, B, Quảng Bình đến phòng giao dịch huyện B gặp Dương Minh P để đặt vấn đề và làm thủ tục vay số tiền 500.000.000 đồng, được P trực tiếp hướng dẫn vợ chồng anh Thự làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Sau khi hướng dẫn vợ chồng anh D Thự ký vào các thủ tục vay, ký không vào ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt chưa lập nội dung. Trong 02 ngày (ngày 09/3/2020 và ngày 22/4/2020) Dương Minh P nâng không và lập không hồ sơ với tổng số tiền 700.000.000 đồng, đối với các hồ sơ vay vốn của ông D Thự, với tổng số tiền 1.200.000.000 đồng, P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân số tiền vay, đến ngày 04/5/2020 Dương Minh P giao cho vợ chồng anh D Thự 500.000.000 đồng, còn lại 700.000.000 đồng P chiếm đoạt đem chi tiêu cá nhân.

17. Vào đầu tháng 4/2020, ông Hoàng Minh Đ, trú tại huyện B, tỉnh Quảng Bình, hết hạn khoản vay 700.000.000 đồng nên nhờ Dương Minh P làm thủ tục đáo hạn. Ngày 13/4/2020, P mượn số tiền 700.000.000 đồng nộp tất toán khoản vay trên cho ông Đ. Cùng ngày P tiến hành lập 02 bộ hồ sơ với mục đích rút số tiền 700.000.000 đồng trả đáo hạn và lập thêm một bộ hồ sơ không số tiền 700.000.000 đồng để rút sử dụng cá nhân. Ngày 13/4/2020, P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống phòng dịch vụ giải ngân số tiền 700.000.000 đồng để tất toán khoản vay trên cho ông Đ. Ngày 15/4/2020, sau khi hướng dẫn vợ chồng ông Đ ký một số giấy tờ và ký không vào giấy ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt chưa lập nội dung. P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân tiền vay vốn và chiếm đoạt số tiền 700.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

18. Vào cuối tháng 4/2020, bà Phan Thị B, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P xin thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để vay vốn số tiền 300.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn vợ chồng bà B làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Do cần tiền để chơi chứng khoán, ngày 29/4/2020, sau khi hướng dẫn vợ chồng bà B ký không một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt, P hoàn thiện hồ sơ vay vốn, đồng thời nâng không hồ sơ vay vốn của vợ chồng bà Bình lên 2.000.000.000 đồng và trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân để P nhận thay khách hàng. Sau khi nhận được tiền, P giao cho bà B số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.700.000.000 đồng P sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 14/5/2020, bà B yêu cầu và được P rút từ tài khoản mình đưa 100.000.000 đồng và nói vừa mới làm thủ tục giải ngân cho bà B. Tổng số tiền bà B nhận là 400.000.000 đồng, P chiếm đoạt tổng số tiền 1.600.000.000 đồng đem chi tiêu cá nhân.

19. Vào đầu tháng 5/2020, ông Phạm Văn C, trú tại xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, hết hạn khoản vay 500.000.000 đồng nên nhờ Dương Minh P làm thủ tục đáo hạn. Ngày 13/5/2020, P mượn số tiền 500.000.000 đồng nộp tất toán khoản vay trên cho ông C. Cùng ngày P tiến hành lập hồ sơ vay vốn với mục đích rút số tiền 500.000.000 đồng trả nợ tiền đã đáo hạn cho ông C trước đó, do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân nên P đã nâng khống hồ sơ vay của ông C lên 1.000.000.000 đồng. Ngày 13/5/2020, sau khi hướng dẫn vợ chồng ông C ký khống một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt. P hoàn thiện hồ sơ vay vốn rồi trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng tự ý giải ngân tiền vay vốn số tiền 1.000.000.000 đồng, P đã trả nợ số tiền 500.000.000 đồng mà P đã vay mượn làm thủ tục đáo hạn cho ông C còn số tiền 500.000.000 đồng P sử dụng vào mục đích cá nhân. Tháng 7/2020, P đã trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho ông C. Còn nợ lại 450.000.000 đồng.

20. Khoảng cuối tháng 2/2020 do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh, bà Trương Thị H, trú tại xã Đ Trạch, huyện B, tỉnh Quảng Bình, nên đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P đặt vấn đề và cách làm thủ tục để vay tiền, P trực tiếp hướng dẫn bà H làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn, sau khi hướng dẫn bà H ký một số giấy tờ, ký khống vào giấy ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt chưa ghi nội dung, P hoàn thiện hồ sơ vay vốn, đồng thời nâng khống số tiền vay của bà H lên 1.200.000.000 đồng (trong đó số tiền nâng khống là 900.000.000 đồng). Ngày 11/5/2020, P tự mình xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân số tiền vay, sau khi nhận được tiền P giao lại cho bà H 300.000.000 đồng, số tiền còn lại P chiếm đoạt, đem chi tiêu cá nhân.

21. Vào giữa tháng 5/2020, ông Phạm Đình Lâm (chồng bà Hồ Thị T), trú tại huyện B, tỉnh Quảng Bình, đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P đặt vấn đề vay vốn số tiền 2.000.000.000 đồng. P trực tiếp hướng dẫn vợ chồng bà T làm các thủ tục để thực hiện việc vay vốn. Do cần tiền để chơi chứng khoán, ngày 22/5/2020, sau khi hướng dẫn vợ chồng bà T ký khống một số giấy tờ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt, P hoàn thiện hồ sơ vay vốn, đồng thời nâng khống hồ sơ vay vốn của vợ chồng bà T lên 3.000.000.000 đồng và trực tiếp xuống bộ phận giao dịch khách hàng, yêu cầu giao dịch viên giải ngân. Sau khi nhận được tiền P đem chi tiêu cá cá nhân, vào tháng 6/2020, do có nhu cầu vợ chồng bà T yêu cầu P làm thủ tục giải ngân, P đã rút từ tài khoản và giao cho vợ chồng bà T hai lần với tổng số tiền 700.000.000 đồng, còn lại 2.300.000.000 đồng P chiếm đoạt.

22. Vào giữa tháng 01 năm 2019, bà Đoàn Thị L (vợ ông Hồ Khắc D) trú tại thôn Tân P, xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình đến phòng giao dịch B gặp Dương Minh P hỏi thủ tục xin vay vốn để kinh doanh với số tiền 600.000.000 đồng, P đã hướng dẫn vợ chồng bà L làm các thủ tục vay vốn, ngày 25/01/2019 bà L được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 600.000.000 đồng. Ngày 30/10/2019 hết thời hạn vay bà L đến trả nợ và tất toán món vay, đồng thời làm thủ tục vay lại và được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 600.000.000 đồng. Do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân và đầu tư chứng khoán, ngày



09/3/2020 P đã lập không hồ sơ vay của bà L số tiền 1.400.000.000 đồng, yêu cầu vợ chồng bà L ký vào hồ sơ vay để được hưởng lãi suất thấp hơn, vợ chồng bà L đã ký vào hồ sơ vay vốn trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt. Ngày 12/3/2020, P tiếp tục lập không hồ sơ vay của bà L số tiền 1.400.000.000 đồng, yêu cầu vợ chồng bà L ký lại hồ sơ vay với lý do hồ sơ trước bị sai, vợ chồng bà L đã ký vào hồ sơ vay vốn trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt, P trực tiếp đến bộ phận giao dịch, yêu cầu giao dịch viên giải ngân để nhận tiền thay khách hàng. Tổng hai lần lập không hồ sơ vay vốn của vợ chồng bà Đoàn Thị L, P chiếm đoạt số tiền 2.800.000.000 đồng.

23. Vào giữa tháng 3 năm 2019, ông Hoàng Công D trú tại thôn Quốc lộ 1A, xã Hải P, huyện B, tỉnh Quảng Bình đến Phòng giao dịch B gặp Dương Minh P làm thủ tục vay vốn số tiền 700.000.000 đồng để kinh doanh. P đã trực tiếp hướng dẫn ông D làm các thủ tục vay, ngày 28/3/2020 ông D được ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 17/12/2019 hết thời hạn vay ông D đến trả nợ và tắt toán món vay, đồng thời làm thủ tục vay lại được ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 11/6/2020 đến hạn trả nợ, ông D đã nhờ P làm thủ tục đáo hạn, P mượn tiền trả vào tài khoản thu nợ và tắt toán món vay, trong quá trình lập hồ sơ cho vay lại, do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân, P đã nâng không hồ sơ vay vốn của ông D thêm số tiền 700.000.000 đồng, yêu cầu ông D ký hồ sơ trong đó có ủy nhiệm chi và giấy rút tiền mặt. P đã trực tiếp nhận tiền tại giao dịch viên, sau khi nhận được tiền, P đã trả số tiền 700.000.000 đồng mà P đã mượn để đáo hạn trước đó, số tiền còn lại 700.000.000 đồng P chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Tại Kết luận giám định số: 292/GĐ-PC09 ngày 15/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Các chữ ký dưới các mục giám định chữ ký tại các Báo cáo thẩm định giá trị tài sản; Biên bản thống nhất giá trị tài sản; Hợp đồng thế chấp bất động sản; Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất kinh doanh; Báo cáo đề xuất tín dụng; Hợp đồng tín dụng; Ủy nhiệm chi và Giấy rút tiền mặt đứng tên của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã ký so với chữ ký trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Ngoài ra, từ tháng 4/2020 đến tháng 7/2020, Dương Minh P đã vay mượn tiền của 05 cá nhân ở huyện B, tỉnh Quảng Bình và 01 cá nhân ở thành phố Hồ Chí Minh để đáo hạn cho khách hàng khi đến các món vay đã đến hạn với tổng số tiền 28.059.500.000 đồng. Sau khi vay mượn để đáo hạn xong bị cáo P sử dụng số tiền trên để trả nợ, trả lãi và đầu tư vào thị trường chứng khoán nhưng sau đó bị thua lỗ, dẫn đến không có khả năng trả lại, cụ thể: Dương Minh P vay mượn của bà Lê Thị M, trú tại thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình tổng số tiền 4.050.000.000 đồng; vay mượn tổng số tiền 485.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thu H, trú tại xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vay mượn tổng số tiền 3.650.000.000 đồng của ông Phan Việt H, trú tại thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vay mượn tổng số tiền 5.300.000.000 đồng của ông Nguyễn T D, trú tại thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vay mượn tổng số tiền 8.824.500.000 đồng của ông Lê Khắc T, trú tại phường P Thanh, quận Tân P, thành phố Hồ Chí

Minh; vay mượn tổng số tiền 5.750.000.000 đồng của ông Võ Văn S, trú tại xã Đ Trạch, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Quá trình điều tra, ông Võ Văn S khai ngày 22/6/2020 Dương Minh P có vay của S món 1,8 tỷ nhưng mới trả được 900.000.000 đồng, còn nợ của ông S số tiền 900.000.000 đồng chưa trả. Dương Minh P khai nhận đã trả hết tiền gốc, tiền lãi và đã xác nhận cùng nhau dư nợ bằng không, mặt khác tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện đến ngày 23/6/2020 hai bên xác nhận dư nợ đáo hạn còn 900.000.000 đồng và ngày 25/6/2020 đã trả 900.000.000 đồng tiền gốc, 5.400.000 đồng tiền lãi, dư nợ đáo hạn hai bên đã xác nhận bằng không.

Quá trình điều tra xác định các đối tượng nói trên đã cho Dương Minh P vay tiền với lãi suất 1.000đ/1.000.000đ/1ngày, tương đương mức lãi suất 36,5%/1 năm, gấp 1,825 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự, nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự do các lần cho vay này không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2022/HS-ST ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:*

1. Tuyên bố bị cáo Dương Minh P đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: Dương Minh P 19 (mười chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2020.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự;

- Buộc Dương Minh P phải bồi thường cho Ngân hàng TMCP B (B) số tiền đã chiếm đoạt 30.650.000.000 đồng (Ba mươi tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng); cụ thể số tiền theo các hợp đồng vay của các khách hàng: Hoàng Thị H 1.100.000.000 đồng; D Thị T 2.700.000.000 đồng; Đỗ Thị S 1.000.000.000 đồng; D Thị H và Phan T 2.500.000.000 đồng; Nguyễn Thị K 2.000.000.000 đồng; D Đình P 600.000.000 đồng; Hoàng Thị Q 1.050.000.000 đồng; Nguyễn Thị L 650.000.000 đồng; Nguyễn Xuân T 500.000.000 đồng; Lê Thị T 1.900.000.000 đồng; Nguyễn Thị Q 1.500.000.000 đồng; Đỗ Thị T 900.000.000 đồng; Lê Trung P 800.000.000 đồng; Nguyễn Thị Đình Thy và Nguyễn Thành H 2.600.000.000 đồng; của Phan Thị H 700.000.000 đồng; D Thự 700.000.000 đồng; Hoàng Minh Đ 700.000.000 đồng; Phan Thị Bình 1.600.000.000 đồng; Phạm Văn C 450.000.000 đồng; Phạm Đình Lâm và Hồ Thị T 2.300.000.000 đồng; Đoàn Thị L và Hồ Khắc D 2.800.000.000 đồng; Hoàng Công D 700.000.000 đồng; Trương Thị H 900.000.000 đồng.

- Buộc Dương Minh P trả lại cho ông Lê Trung P số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

- Buộc Ngân hàng TMCP B (B) trả lại cho bà Trương Thị H số tiền 978.758.630 đồng (trong đó 900.000.000 đồng tiền gốc và số tiền lãi 78.758.630 đồng tính từ ngày 11/5/2020 đến ngày 24/5/2021).

\*Đối với các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng của các cá nhân có liên quan với Ngân hàng B, sau khi trừ số tiền mà Dương Minh P nâng khống để buộc P phải bồi hoàn cho Ngân hàng B, số còn lại những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (các khách hàng) phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng B, những người khác có ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản nhưng không nhận được tiền do P đã chiếm đoạt, phía Ngân hàng B có trách nhiệm làm các thủ tục tất toán để trả lại các tài sản đã thế chấp.

\* Đối với khoản tiền Dương Minh P vay mượn của bà Lê Thị M tổng số tiền 4.050.000.000 đồng, của bà Nguyễn Thị Thu H tổng số tiền 485.000.000 đồng, của ông Phạm Việt H tổng số tiền 3.650.000.000 đồng, của ông Nguyễn T D tổng số tiền 5.300.000.000 đồng, của ông Lê Khắc T tổng số tiền 8.824.500.000 đồng, của ông Võ Văn S tổng số tiền 5.750.000.000 đồng là quan hệ dân sự, nếu không thỏa thuận được các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 11/3/, ngày 24/3 và ngày 25/3/2022, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn S, bà Võ Thị H, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra làm rõ các nội dung sau:

+ Xác định tư cách tham gia tố tụng của Võ Văn S, Võ Thị H, Lê Thị M và Nguyễn Thị Thu H là bị hại trong vụ án; xác định bị cáo Dương Minh P đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 6,75 tỷ đồng (trong đó của Võ Văn S 3.750.000.000 đồng, chiếm đoạt của Võ Thị H 2.900.000.000 đồng), chiếm đoạt của bà Lê Thị M 4.050.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thu H 485.000.000 đồng.

+ Xác định vai trò của giao dịch viên Lê Thùy D là đồng phạm giúp sức của bị cáo P chiếm đoạt 6,65 tỷ đồng của Võ Văn S và Võ Thị H; buộc Lê Thùy D cùng Dương Minh P khắc phục số tiền chiếm đoạt;

+ Xem xét, làm rõ trách nhiệm của Ngân hàng B chi nhánh Quảng Bình - Phòng giao dịch B, các cá nhân Phan M D, Hồ Đ H, Trương Văn T và Trần Việt H liên quan đến các hồ sơ tín dụng mà bị cáo P đã sử dụng các hồ sơ tín dụng, tài khoản liên quan này để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; đồng thời buộc Ngân hàng B và các cá nhân trên có trách nhiệm cùng Dương Minh P khắc phục số tiền chiếm đoạt của Võ Văn S, Võ Thị H, Lê Thị M và Nguyễn Thị Thu H.

+ Điều tra làm rõ dòng tiền, cũng như không xem xét thu hồi khoản tiền bị khấu trừ mà bản chất các khoản tiền này do P phạm tội mà có để phần nào hạn chế, khắc phục thiệt hại do P gây ra.

- Ngày 14/3/2022, ông Lê Trung P kháng cáo yêu cầu buộc ông Hồ Đ H – nguyên Giám đốc Ngân hàng B chi nhánh Quảng Bình - Phòng giao dịch B và bà Lê Thùy D - Giao dịch viên Phòng giao dịch B có trách nhiệm cùng bị cáo P trả khoản tiền 290.000.000 đồng cho ông.

- Ngày 17/3/2022, bị cáo Dương Minh P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Võ Văn S, bà Võ Thị H, bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lê Trung P và bị cáo Dương Minh P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử thấy:

[1] Xét kháng cáo của ông Lê Trung P, nhận thấy:

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 27/5/2021, ông Lê Trung P trình bày: *“Quá trình vay số tiền 700.000.000 đồng, tôi đã trả hai lần tiền gốc, với số tiền 350.000.000 đồng; cụ thể ngày 04/5/2020 tôi điện thoại cho Dương Minh P, báo với P tôi trả tiền gốc 300.000.000 đồng, ông P bảo tôi chuyển vào tài khoản 53110001060672 của Lê Thị Xoa; số tài khoản và tên chị Xoa ông P nhắn vào máy của tôi, yêu cầu chuyển tiền; con gái tôi Nguyễn Thị Lan đã dùng dịch vụ Smartbanking chuyển 300.000.000 đồng vào tài khoản chị Xoa theo yêu cầu của P. Ngày 22/6/2020, tôi điện thoại cho P trả nợ vay 50.000.000 đồng, P yêu cầu tôi chuyển số tiền này vào tài khoản của Ngô T Long, sau đó ông P chuyển số tài khoản cho tôi, tôi đến ngân hàng gặp chị D yêu cầu làm thủ tục chuyển số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản của Long, chị D đã làm thủ tục chuyển số tiền này vào tài khoản của Long”* (BL 319-320). Lời trình bày trên của ông P phù hợp với lời khai của bị cáo P (BL 138-139); phù hợp với lời trình bày của chị Lê Thùy D (BL số 160-161). Do đó, ông P kháng cáo yêu cầu buộc ông Hồ Đ H (nguyên Giám đốc B- Phòng giao dịch B) và chị Lê Thùy D (giao dịch viên B- Phòng giao dịch B) cùng liên đới với bị cáo Dương Minh P có trách nhiệm trả cho ông 290.000.000 đồng là không có cơ sở. Án sơ thẩm buộc bị cáo Dương Minh P trả cho ông số tiền 290.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, gồm: Ông Võ Văn S, bà Võ Thị H, bà Lê Thị M và bà Nguyễn Thị Thu H; nhận thấy:

[2.1] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, các ông bà Võ Văn S, Võ Thị H, Lê Thị M và Nguyễn Thị Thu H đều xác định trong quá trình giao dịch tại ngân hàng nên có quen biết Dương Minh P, nên khi nghe P nói cần tiền để đáo hạn cho khách hàng và hỏi vay nên đã chuyển tiền cho P. Theo kết quả điều tra thì toàn bộ số tiền vay này bị cáo P đều có thực hiện việc đáo hạn cho khách hàng của P tại Ngân hàng và bị cáo P đều thực hiện việc trả lãi vay cho các ông bà trên. Tuy nhiên sau khi đáo hạn và rút tiền từ ngân hàng, bị cáo P đã sử dụng để trả nợ, trả lãi và đầu tư vào thị trường chứng

khoản, nhưng sau đó bị thua lỗ, dẫn đến không có khả năng trả lại tiền vay. Xét thấy mối quan hệ vay mượn trên không có dấu hiệu của tội phạm, nên án sơ thẩm xác định các ông bà Võ Văn S, Võ Thị H, Lê Thị M và Nguyễn Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Các ông bà kháng cáo đề nghị xác định tham gia tố tụng trong vụ án là bị hại trong vụ án là không có căn cứ.

[2.2] Về trách nhiệm của Ngân hàng B chi nhánh Quảng Bình - Phòng giao dịch B, của các cá nhân Phan M D, Hồ Đ H, Trương Văn T và Trần Việt H liên quan đến các hồ sơ tín dụng mà bị cáo P đã sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Xét thấy:

- Đối với Trần Việt H và Trương Văn T - Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng B Quảng Bình: Việc ký duyệt hồ sơ vay vốn của khách tại Phòng giao dịch B đều do Giám đốc Phòng giao dịch quyết định. Đối với các khoản vay của khách hàng trên 2 tỷ đồng, Giám đốc Phòng giao dịch cùng cán bộ quản lý khách hàng (cán bộ tín dụng) trực tiếp đi thẩm định tài sản của khách hàng, rồi tiến hành ký Hợp đồng thế chấp tài sản. Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng, cán bộ quản lý khách hàng lập báo cáo đề xuất tín dụng, Hợp đồng tín dụng trình cán bộ thẩm định tín dụng để thẩm định tính đầy đủ của hồ sơ, tình trạng pháp lý thông tin trên hồ sơ tín dụng và Báo cáo đề xuất tín dụng, khi cán bộ thẩm định có ý kiến trình đồng ý cấp tín dụng, ông H và ông T mới xem lại hồ sơ và ký phê duyệt đồng ý cho vay. Trong thời gian trên ông H đã ký duyệt 02 hồ sơ vay vốn và ông T ký duyệt 04 hồ sơ vay vốn theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Quá trình ký duyệt hồ sơ vay vốn cho các cá nhân ở huyện B, ông H và ông T không phát hiện và không biết được việc Dương Minh P lập khống, nâng khống số tiền vay của các khách hàng ở huyện B để chiếm đoạt; cũng như hoạt động dịch vụ đảo hạn tại ngân hàng.

- Đối với Hồ Đ H - Nguyên Giám đốc Phòng giao dịch B: Khi khách hàng có nhu cầu vay vốn thì trực tiếp gặp cán bộ quản lý khách hàng để giới thiệu, tư vấn, hướng dẫn về việc vay vốn, đến khi có chứng thư thẩm định giá trị tài sản của đơn vị thẩm định giá độc lập, ông H cùng cán bộ quản lý khách hàng trực tiếp đi thẩm định tài sản của khách hàng, rồi tiến hành ký Hợp đồng thế chấp tài sản. Căn cứ vào Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sản xuất kinh doanh của khách hàng, cán bộ quản lý khách hàng lập báo cáo đề xuất tín dụng, Hợp đồng tín dụng trình cán bộ thẩm định tín dụng để thẩm định tính đầy đủ của hồ sơ, tình trạng pháp lý thông tin trên hồ sơ tín dụng và Báo cáo đề xuất tín dụng, khi cán bộ thẩm định có ý kiến trình đồng ý cấp tín dụng, ông H mới xem xét lại hồ sơ và ký phê duyệt đồng ý cho vay. Quá trình ký duyệt hồ sơ vay vốn cho các cá nhân ở huyện B, ông H không phát hiện và không biết được việc Dương Minh P lập khống, nâng khống số tiền vay của các khách hàng ở huyện B để chiếm đoạt; cũng như hoạt động dịch vụ đảo hạn tại ngân hàng.

- Đối với Phan M D - nguyên cán bộ thẩm định Phòng giao dịch B: Từ tháng 01/2019 đến tháng 9/2020, ông D được phân công làm công tác thẩm định tín dụng tại Phòng giao dịch B, ông Quang được giao thẩm định tín dụng khi

ông D vắng. Với chức năng nhiệm vụ được phân công, sau khi tiếp nhận hồ sơ từ cán bộ quản lý khách hàng, ông D, ông Quang tiến hành thẩm định, đánh giá, phân tích hồ sơ khách hàng, thẩm định về tính đầy đủ của hồ sơ, tình trạng pháp lý, thông tin trên Hồ sơ tín dụng và Báo cáo đề xuất tín dụng, thẩm định các nội dung đánh giá, phân tích tại báo cáo đề xuất tín dụng như thông tin về lai lịch của khách hàng, số tiền vay, lãi suất, mục đích vay vốn của khách hàng, tài sản bảo đảm, nguồn trả nợ vay, các giấy tờ chứng minh việc vay vốn. Sau khi thẩm định thấy các nội dung đã khớp đúng theo quy định, ông D, ông Quang ghi ý kiến trình đồng ý cấp tín dụng và ký vào báo cáo đề xuất tín dụng. Quá trình thẩm định hồ sơ vay vốn của các cá nhân ở huyện B, ông D, ông Quang không phát hiện và không biết được việc Dương Minh P lập khống, nâng khống số tiền vay của các khách hàng ở huyện B để chiếm đoạt.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ thu thập được xác định, ông Trần Viết H, ông Trương Văn T, ông Hồ Đ H, ông Phan M D và ông Nguyễn Thái Quang, quá trình phê duyệt và ký các thủ tục, hồ sơ vay của khách hàng do P trình ký, họ không biết được Dương Minh P đã lập khống, nâng khống số tiền vay của khách hàng và cũng không biết việc P cho khách hàng ký khống vào ủy nhiệm chi và Giấy rút tiền mặt nên án sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự cũng như trách nhiệm dân sự đối với các trường hợp nói trên là có căn cứ.

- Đối với Lê Thùy D - Giao dịch viên Phòng giao dịch B: Từ năm 2019 đến tháng 7/2020, D được phân công làm giao dịch viên tại Phòng giao dịch B để giao dịch với khách hàng, thực hiện giao dịch rút, nộp tiền mặt, chuyển qua tài khoản, rút gửi tiền tiết kiệm, giải ngân thu nợ tiền vay của khách hàng, phát hành thẻ thanh toán ATM. Với chức năng nhiệm vụ được phân công, khi cán bộ quản lý khách hàng giao hồ sơ giải ngân, các giao dịch viên tiến hành kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ như đối chiếu chữ ký của lãnh đạo và khách hàng khớp đúng với chữ ký lưu trên hệ thống, số tiền vay trên hồ sơ với số tiền đã nhập, hình thức giải ngân, sau đó tiến hành hạch toán trên máy để nhập số liệu theo các nội dung của hợp đồng tín dụng, ký duyệt chứng từ và chi tiền cho khách hàng vay. Đối với việc giải ngân các khoản tiền vay của 23 khách hàng có liên quan, D đã giải ngân tiền cho P nhận thay 03 người vay với số tiền bị P nâng khống chiếm đoạt là: 6.300.000.000 đồng. Quá trình xem xét và đánh giá hồ sơ giải ngân, D thấy hồ sơ đảm bảo đúng thủ tục, quy định và có đầy đủ chữ ký của khách hàng, song không có mặt khách hàng vay vốn. Để được giải ngân tiền vay của khách hàng P đã dùng thủ đoạn gian dối để tạo lòng tin với đồng nghiệp bằng các lý do khác nhau như: Khách hàng bận việc nên giao việc nhận tiền cho cán bộ hướng dẫn nhận thay; Dịch Covid – 19 trong giai đoạn đang diễn biến phức tạp, vì vậy khách hàng không muốn đến nơi tập trung đông người, nhờ cán bộ quản lý khách hàng nhận tiền thay hoặc P đã đưa tiền trước rồi sau đó nhận tiền giải ngân để bù lại số tiền đã ứng cho khách hàng. Vì P là đồng nghiệp làm cùng Phòng giao dịch và đưa ra các lý do phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời hồ sơ nhận tiền đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy định và các giấy ủy nhiệm chi, giấy rút tiền mặt đều có đầy đủ chữ ký của khách hàng. Mặt khác sau khi giải ngân xong không có ý kiến phản ánh của khách hàng đối với việc giải ngân trên.

Quá trình điều tra đã làm rõ, Lê Thùy D không phát hiện và không biết được việc Dương Minh P lập khống, nâng khống số tiền vay của các khách hàng để chiếm đoạt và không hưởng lợi ích gì từ P. Bản thân những người này cũng bị P lừa dối với lý do khách hàng nhờ P nhận thay nên đã giải ngân giao tiền cho P. Những sai phạm nêu trên của Lê Thùy D là sai phạm các quy định nội bộ của ngân hàng, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra cũng đã có Công văn đề nghị Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Quảng Bình xem xét xử lý trách nhiệm đối với Lê Thùy D theo quy định nội bộ của ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó án sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự cũng như trách nhiệm dân sự đối với Lê Thùy D là có căn cứ.

[3] Về nội dung điều tra làm rõ dòng tiền, cũng như không xem xét thu hồi khoản tiền bị khấu trừ mà bản chất các khoản tiền này do P phạm tội mà có để phân nào hạn chế, khắc phục thiệt hại do P gây ra, xét thấy:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xác minh tất cả các tài khoản liên quan đến bị cáo P, kể cả tài khoản giao dịch trên thị trường chứng khoán; đồng thời cũng đã có Văn bản gửi các cơ quan chức năng của tỉnh Quảng Bình để xác minh tài sản của bị cáo Dương Minh P. Mặt khác quá trình thi hành án về trách nhiệm dân sự, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án có quyền cung cấp tài liệu chứng cứ về tài sản của bị cáo P để cơ quan thi hành án dân sự thực hiện theo luật thi hành án dân sự. Do đó yêu cầu kháng cáo hủy án để điều tra làm rõ dòng tiền, cũng như không xem xét thu hồi khoản tiền bị khấu trừ mà bản chất các khoản tiền này do P phạm tội mà có để phân nào hạn chế, khắc phục thiệt hại do P gây ra là không có cơ sở.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Dương Minh P, nhận thấy: Bị cáo bị truy tố, xét xử về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân; bị cáo đã chiếm đoạt 31.000.000.000đ, hơn 62 lần mức khởi điểm của khung hình phạt; Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan điều tra để tự thú trước khi khởi tố vụ án, đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tác động gia đình khắc phục 60.000.000 đồng cho ông Lê Trung P; bị cáo là người có nhân thân tốt; gia đình có công với cách mạng... là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 19 năm tù là có phần nhẹ, chưa phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không được chấp nhận, nên phải chịu án phí phúc thẩm; ông Lê Trung P, bà Lê Thị M được miễn án phí phúc thẩm, vì là người cao tuổi.

Từ nhận định trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Dương Minh P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, gồm: Ông Võ Văn S, bà Võ Thị H, bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Trung P; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Tuyên bố bị cáo Dương Minh P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Xử phạt: Dương Minh P 19 (mười chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc Dương Minh P trả lại cho ông Lê Trung P số tiền 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng).

3. Đối với khoản tiền Dương Minh P vay mượn của bà Lê Thị M tổng số tiền 4.050.000.000 đồng, của bà Nguyễn Thị Thu H tổng số tiền 485.000.000 đồng, của ông Võ Văn S tổng số tiền 5.750.000.000 đồng là quan hệ dân sự, nếu không thỏa thuận được các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo bản án hình sự sơ thẩm số 15/2022/HS-ST ngày 10/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

5. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Dương Minh P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Các ông bà Võ Văn S, Võ Thị H và Nguyễn Thị Thu H, mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Trung P, bà Lê Thị M, vì là người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



(Đã ký)

**Mai Xuân Thành    Nguyễn Tấn Long**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tào**